

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ - NĂM 2026

Phần 1. Thông tin về Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

1.1 Thông tin chung về Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 71 Ngũ Hành Sơn, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 383 6169

Website: <http://due.udn.vn/>

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng (sau đây gọi là Trường ĐHKT) có tiền thân là Khoa Kinh tế thuộc Viện Đại học Đà Nẵng, được thành lập vào tháng 7 năm 1975. Trải qua quá trình phát triển, đến năm 1985, Khoa Kinh tế được nâng cấp thành Phân hiệu Đại học Kinh tế Đà Nẵng, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 1988, Phân hiệu được sáp nhập với Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, tạo thành hai khoa thuộc Đại học Bách khoa. Đến ngày 04 tháng 4 năm 1994, cùng với sự thành lập của Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN), Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh chính thức ra đời theo Nghị định số 32/CP của Chính phủ. Đến năm 2004, Trường được đổi tên thành Trường Đại học Kinh tế, thuộc Đại học Đà Nẵng, và phát triển không ngừng cho đến hiện tại.

Hiện nay, Trường Đại học Kinh tế có cơ cấu gồm 12 khoa chuyên ngành, 01 bộ môn trực thuộc, 07 phòng chức năng, 03 trung tâm và 01 tạp chí. Trường đào tạo 19 ngành đại học, 8 ngành thạc sĩ và 4 ngành tiến sĩ, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu đa dạng của sinh viên. Sau 50 năm hình thành và phát triển, Trường đã đóng góp cho đất nước hơn 70.000 cử nhân và hàng nghìn thạc sĩ, tiến sĩ kinh tế. Các cựu sinh viên, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường hiện nay không chỉ có mặt trên khắp cả nước mà còn giữ những trọng trách quan trọng tại các địa phương, doanh nghiệp và tổ chức trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên cũng như trên toàn quốc.

Là một thành viên của Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Kinh tế luôn nỗ lực không ngừng để đạt được sứ mệnh chung là trở thành một trường Đại học định hướng nghiên cứu. Trường Đại học Kinh tế đã liên tục tạo dựng một môi trường học thuật tiên tiến, thúc đẩy khám phá, ứng dụng, chuyển giao tri thức khoa học kinh tế và quản lý, đảm bảo nền tảng thành công và năng lực học tập suốt đời cho người học, nuôi dưỡng và phát triển tài năng, giải quyết các thách thức kinh tế - xã hội phục vụ sự phát triển thịnh vượng của cộng đồng. Hai định hướng chủ đạo Trường Đại học Kinh tế tập trung thực hiện bao gồm thực hiện các nghiên cứu thiên về học thuật hướng đến các chuẩn quốc tế; và các đề tài khoa học mang tính ứng dụng, đóng vai trò tham vấn chính sách, chiến lược cho các tổ chức và địa phương quan tâm. Định hướng quản lý khoa học của Trường đang có những nét chuyển biến rõ rệt sang quan điểm chiến lược, đa dạng đối tác, mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực và kết nối bền chặt với địa phương và cộng đồng doanh nghiệp. Trong giai đoạn từ 2021-

2025, cán bộ giảng viên của Trường đã tiến hành đăng ký và thực hiện 101 đề tài các cấp với tổng ngân sách hơn gần 13 tỷ đồng. Các đề tài tập trung vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn và học thuật của quốc gia ở cả góc độ vi mô.

Số lượng các công bố khoa học của giảng viên và cán bộ nghiên cứu ngày càng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng, đưa Trường ĐHKT thuộc top các trường đại học khối Kinh tế và Kinh doanh có nhiều công bố chất lượng trên danh mục ISI/Scopus. Trong giai đoạn 2021-2025, tổng số các bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus của Trường là 314 bài và có xu hướng tăng qua các năm. Tỷ lệ bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu là 5,78 bài. Cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên của Trường cũng đã công bố 47 đầu sách (chuyên khảo, tham khảo, giáo trình) trong giai đoạn này.

Ngoài ra, Tạp chí Khoa học Kinh tế của Nhà trường đã đảm bảo lịch phát hành hàng quý với số lượng bài nhận khá phong phú và chất lượng. Tạp chí Khoa học Kinh tế đã thu hút các giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia kinh tế công bố các công trình khoa học, đồng thời khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu, đặc biệt với nhóm sinh viên chất lượng cao, góp phần nâng cao uy tín khoa học của Nhà trường. Đến nay, Tạp chí đã phát hành được hơn 30 số, điểm của Tạp chí được Hội đồng giáo sư chức danh Nhà nước đánh giá là 1 điểm.

Bên cạnh những kết quả nổi bật về đào tạo, nghiên cứu khoa học, uy tín và vị thế học thuật của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng ngày càng được ghi nhận trên các bảng xếp hạng đại học quốc tế. Theo bảng xếp hạng Times Higher Education (THE), khối ngành Kinh tế - Kinh doanh của Trường hiện được xếp trong nhóm 801-1000 thế giới, phản ánh những nỗ lực bền bỉ của Nhà trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tăng cường công bố quốc tế và hội nhập với chuẩn mực giáo dục đại học toàn cầu.

Nhà trường cũng tham gia mạng lưới liên kết, hợp tác với các tổ chức, các nhà khoa học trong và ngoài nước nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu của giảng viên. Hiện nay, Trường đã ký kết hơn 60 biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các trường đại học, học viện, tổ chức quốc tế có uy tín và kinh nghiệm trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, góp phần vào chiến lược quốc tế hóa của Nhà trường. Đặc biệt, thông qua các thỏa thuận hợp tác quốc tế, Nhà trường đã triển khai thành công nhiều chương trình liên kết đào tạo đại học, đồng phối hợp tổ chức các hội thảo quốc tế thường niên với các trường đại học có uy tín và xếp hạng cao của quốc tế như Đại học New South Wales (Úc, xếp hạng thứ 19 trong danh mục QS-World University Ranking), Đại học Monash (Úc, xếp hạng thứ 36 trong danh mục QS-World University Ranking), Đại học Illinois (Hoa Kỳ, xếp hạng thứ 82 QS-World University Ranking), Đại học Công nghệ Queensland (Úc, top 200 QS-World University Ranking), Đại học Massey (New Zealand, top 200-300 QS-World University Ranking). Nhà trường cũng đang có 8 trường đối tác (3 trường Châu Âu, 2 trường Hoa Kỳ và 3 trường Châu Úc) đã có ký kết để công nhận kết quả học tập của sinh viên và được chuyển tiếp học tập tại trường đối tác theo với các hình thức 2+2, 3+1. Ngoài ra, Nhà trường đã hợp tác với Đại học Coventry (Anh Quốc), Đại học City University of Seattle (Mỹ) để triển khai thành công các chương trình liên kết đào tạo mở ra cơ hội cho sinh viên tiếp cận môi trường

học tập quốc tế ngay từ những ngày đầu bước chân vào đại học.

1.2 Kết quả đào tạo tiến sĩ

Bảng 1. Kết quả đào tạo tiến sĩ trong 5 năm gần đây

	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2021
Chỉ tiêu tuyển mới	55	70	286	60	30
Số NCS tuyển mới	31	13	11	11	4
Quy mô đào tạo	65	46	38	48	60
Số tốt nghiệp và được cấp bằng TS	5	6	9	15	7
Số NCS thôi học	3	0	11	8	1
Số bài báo WoS/Scopus công bố của giảng viên	82	49	62	51	57

1.3 Tổ chức và quản lý đào tạo

- Tên đơn vị quản lý đào tạo: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng
- Đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý NCS:

Bảng 2. Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ

T T	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Ngành được đào tạo	Nhiệm vụ
1	Đặng Hữu Mẫn	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý chung về đào tạo tiến sĩ
2	Nguyễn Thị Thiệu Quang	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Quy định, quy trình đào tạo tiến sĩ
3	Văn Thị Thanh Tú	Thạc sĩ	Kế toán	Các chuyên đề tiến sĩ, Hội đồng đánh giá luận án
4	Lê Quang Đức	Thạc sĩ	Kế toán	Kế hoạch đào tạo tiến sĩ

1.4 Trang web về đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế

- Địa chỉ website: <https://due.udn.vn/>
- Các phân mục liên quan đến đào tạo tiến sĩ:

Nội dung	Địa chỉ
Chương trình đào tạo	http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaods/cid/474
Quy chế đào tạo tiến sĩ	http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaods/cid/359
Thông tin về tuyển sinh	https://due.udn.vn/vi-vn/tuvantuyensinh2025/tiens/ds/cid/5700
Các thông báo (kế hoạch đào tạo, kế hoạch bảo vệ luận án, công bố luận án...)	http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaods/cid/1884
Các biểu mẫu, hướng dẫn	http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaods/cid/1968
Tra cứu thông tin về luận án tiến sĩ	http://due.udn.vn/vi-vn/tracuu_tenlvan
Tra cứu văn bằng tiến sĩ	http://due.udn.vn/vi-vn/tracuu_vanbang

Phần II. Nội dung Đề án tuyển sinh

2.1. Lý do xây dựng Đề án

Đề án tuyển sinh trình độ tiến sĩ được xây dựng nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược của Trường ĐHKT, đó là trở thành một trường đại học định hướng nghiên cứu hàng đầu. Với vai trò tiên phong trong đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế, Trường đang nỗ lực không ngừng để mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng các hoạt động này. Hiện nay, Trường là đối tác tin cậy của nhiều doanh nghiệp và chính quyền địa phương, đặc biệt là tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên, trong việc cung cấp các giải pháp chuyên sâu và tư vấn hiệu quả nhằm giải quyết các thách thức kinh doanh, quản lý.

Miền Trung và Tây Nguyên là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, và môi trường sinh thái của Việt Nam. Việc phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại khu vực này đang là ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước, với sự đầu tư mạnh mẽ từ các cấp, các ngành. Trong đó, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực có trình độ tiến sĩ với năng lực nghiên cứu chuyên sâu, là một giải pháp chủ chốt để đạt được mục tiêu này. Đội ngũ tiến sĩ không chỉ là lực lượng nghiên cứu nòng cốt trong các lĩnh vực chuyên môn, mà còn là nguồn tri thức khoa học và công nghệ, là nền tảng cho sự đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia trên thị trường quốc tế.

Ngoài vai trò nghiên cứu, các tiến sĩ còn tham gia trực tiếp vào hoạt động giảng dạy tại các trường đại học, đóng góp vào việc hình thành, phát triển và chuyển giao tri thức khoa học. Họ không chỉ hỗ trợ đào tạo thế hệ tri thức mới mà còn giúp định hướng, giải quyết những vấn đề phức tạp trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội. Tiến sĩ còn là những cá nhân có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đưa ra các giải pháp thiết thực cho những thách thức không chỉ ở cấp địa phương, khu vực mà còn ở phạm vi toàn cầu, như biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Chính vì vậy, việc xây dựng Đề án tuyển sinh tiến sĩ không chỉ để nâng cao chất lượng đào tạo mà còn để đáp ứng nhu cầu thực tiễn về nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần vào sự phát triển bền vững của giáo dục, kinh tế, và xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

a. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b. Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2.2.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c. Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục I của Đề án này hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục & Đào tạo công bố còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

2.2.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài

Nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Ghi chú: Người dự tuyển có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có thể được Nhà trường yêu cầu thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Phương thức, hình thức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển hồ sơ và phỏng vấn năng lực nghiên cứu.

- Hình thức tuyển sinh: Trực tiếp.

2.4. Hồ sơ dự tuyển

2.4.1. Hồ sơ dự tuyển đối với người dự tuyển là công dân Việt Nam, bao gồm:

a. Phiếu đăng ký dự tuyển (Điền trực tiếp tại link đăng ký dự tuyển);

b. Lý lịch khoa học có dán ảnh thẻ 4x6 cm, có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương (Mẫu NCS-2);

c. Bản sao có chứng thực văn bằng, bằng điểm (trình độ đại học, thạc sĩ), văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ, thâm niên công tác (nếu có), giấy công nhận văn bằng (trường hợp văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp);

d. Bản sao minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại điểm c, tiêu mục 2.2.1;

e. Đề cương nghiên cứu (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh) (Mẫu NCS-3) và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (Mẫu NCS-5);

f. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (Mẫu NCS-4);

- g. Minh chứng nộp lệ phí xét tuyển;
- h. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức được cử đi dự tuyển);

i. Ảnh (4x6) trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

2.4.2. Hồ sơ dự tuyển đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài, bao gồm:

a. Phiếu đăng ký dự tuyển đối với người nước ngoài học tập tại Việt Nam (Điền trực tiếp tại link đăng ký dự tuyển);

b. Sơ yếu lý lịch dành cho người nước ngoài có dán ảnh thẻ 4x6 cm, có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương (trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ) (Mẫu NCS-N2);

c. Bản sao và bản dịch sang tiếng Việt bằng tốt nghiệp và bằng điểm trình độ đại học, thạc sĩ, thâm niên công tác (nếu có), giấy công nhận văn bằng (trường hợp văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp);

d. Bản sao minh chứng đạt điều kiện về ngôn ngữ theo Thông tư 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam và quy định tại mục 2.2.3;

e. Bản sao minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại điểm c, tiêu mục 2.2.1;

f. Đề cương nghiên cứu (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh) (Mẫu NCS-N3) và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (Mẫu NCS-N5);

g. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (Mẫu NCS-N4);

h. Bản sao và bản dịch tiếng Việt giấy khai sinh (nếu có);

i. Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc Việt Nam cấp hoặc bản tự khai cam đoan về tình hình sức khỏe của lưu học sinh (trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

j. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc có hạn sử dụng ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam;

k. Minh chứng nộp lệ phí xét tuyển;

l. Ảnh (4x6) trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

m. Đối với lưu học sinh nước ngoài diện Hiệp định phải có Quyết định của Bộ chủ quản đồng ý cử đi đào tạo tại Việt Nam;

n. Văn bản cấp học bổng đối với người nước ngoài được nhận học bổng.

2.5. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành

TT	Ngành	Mã số	Chỉ tiêu*
1	Quản trị kinh doanh	9340101	60
2	Kế toán	9340301	40
3	Kinh tế phát triển	9310105	60

4	Tài chính - Ngân hàng	9340201	40
	Tổng		200

** Trong trường hợp không tuyển sinh hết chỉ tiêu dành cho ngành, chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển cho các ngành khác, đảm bảo không vượt quá tổng chỉ tiêu đăng ký.*

2.6. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học

2.6.1. Hỗ trợ công bố quốc tế

Với mục tiêu thúc đẩy định hướng đại học nghiên cứu và nâng cao vị thế của Đại học Đà Nẵng trên các bảng xếp hạng uy tín như QS-Asia University Ranking và Times Higher Education, Trường ĐHKT đã triển khai nhiều chính sách nhằm tăng cường hoạt động công bố khoa học quốc tế. Trường đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu sinh, khuyến khích và hỗ trợ các nghiên cứu sinh thực hiện luận án bằng tiếng Anh, cũng như bảo vệ trước hội đồng có sự tham gia của các giáo sư uy tín trong và ngoài nước có kinh nghiệm công bố quốc tế. Nghiên cứu sinh có công bố quốc tế sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ công bố quốc tế như giảng viên của Trường.

Bên cạnh đó, Trường cũng cam kết hỗ trợ cho các nghiên cứu sinh có luận án viết bằng tiếng Việt đạt chất lượng cao và có kết quả nghiên cứu nổi bật. Những luận án này sẽ được Trường tài trợ chi phí biên dịch và biên tập tiếng Anh, để từ đó có thể đăng tải trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus. Không chỉ dừng lại ở đó, các nghiên cứu sinh với thành tích nổi bật sẽ được Hiệu trưởng trực tiếp tuyên dương và vinh danh tại lễ tốt nghiệp, ghi nhận những đóng góp quan trọng của họ cho uy tín học thuật của Trường.

2.6.2. Tổ chức các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Trường ĐHKT không ngừng mở rộng và nâng cao quy mô tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, bao quát đa dạng các chủ đề chuyên sâu. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Trường đã phối hợp cùng Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, cũng như các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước để tổ chức thành công 41 hội thảo quốc tế và 33 hội thảo cấp quốc gia. Trong đó, nhiều hội thảo do Trường ĐHKT đứng ra tổ chức hoặc phối hợp tổ chức đã góp phần tạo nên thương hiệu uy tín của Trường trong cộng đồng khoa học quốc tế, tiêu biểu là Hội thảo quốc tế về Kế toán và Tài chính (ICOAF, được tổ chức thường niên 10 lần), Hội thảo quốc tế về Quản trị và Kinh doanh (COMB, với 10 lần tổ chức thường niên), Hội thảo quốc tế về Marketing trong Kỷ nguyên Kết nối và Hội thảo quốc tế về Biến đổi khí hậu. Trường vinh dự hợp tác với những đối tác danh tiếng toàn cầu như Đại học New South Wales (Úc), Đại học Aston (Vương quốc Anh), Đại học Massey (New Zealand), AVSE Global, VFAI, Đại học Quốc gia Yokohama (Nhật Bản), và Hiệp hội ACCA Việt Nam.

Hoạt động kết nối khoa học để thúc đẩy công bố quốc tế là điểm nhấn nổi bật của Trường. Hàng loạt các hội thảo và hội nghị nghiên cứu quốc tế, các buổi hội thảo về phương pháp nghiên cứu, và seminar ngoại khóa đã được tổ chức với sự tham gia của những đối tác uy tín như Đại học Manchester (Vương quốc Anh), Đại học Coventry (Vương quốc Anh), Đại học Nottingham Trent (Vương quốc Anh), Đại học Hull (Vương quốc Anh), Đại

học Monash (Úc), Đại học Swinburne (Úc), Đại học Nice - Sophia (Pháp), và Đại học Cote d'Azur (Pháp). Những hội thảo này không chỉ mang đến cho các nghiên cứu sinh và học viên cao học cơ hội trao đổi chuyên môn, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để họ công bố các kết quả nghiên cứu trong quá trình học tập tại Trường.

Nhằm hỗ trợ tối đa cho các nghiên cứu sinh và học viên, Trường cũng triển khai chính sách hỗ trợ tài chính lên tới 100% chi phí tham dự các hội thảo và workshop khoa học trong nước và quốc tế. Đây là động lực lớn để các nhà nghiên cứu trẻ tích cực tham gia và khẳng định mình trong cộng đồng khoa học toàn cầu.

2.7. Tổ chức tuyển sinh

Tuyển sinh nhiều đợt/năm theo đợt tuyển sinh tiên sĩ của Trường ĐHKHT.

2.8. Học phí

Học phí chương trình đào tạo tiên sĩ năm học 2025-2026 áp dụng cho tất cả các ngành là 38.750.000 đồng/năm học. Thông tin học phí các năm học tiếp theo có thể thay đổi tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.

2.9. Danh mục ngành tuyển sinh

TT	Ngành đăng ký dự tuyển NCS	Mã số	Lĩnh vực/Nhóm ngành/Ngành
1	Quản trị kinh doanh	9340101	
1.1	Tự cử nhân	734	Các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý
		73101	Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học
		78101, 78102	Các ngành thuộc nhóm ngành Du lịch; nhóm ngành Khách sạn, nhà hàng
1.2	Tự thạc sĩ	834	Các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý
		83101	Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học
		88101	Các ngành thuộc nhóm ngành Du lịch
		8510601	Quản lý công nghiệp
		8510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
		8580302	Quản lý xây dựng
		8840103	Tổ chức và quản lý vận tải
848	Các ngành thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin		
2	Kế toán	9340301	
2.1	Tự cử nhân	734	Các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý
		73101	Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học
2.2	Tự thạc sĩ	834	Các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và

			Quản lý
		83101	Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học
3	Kinh tế phát triển	9310105	
3.1	Tự cử nhân	73101	Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học
		734	Các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý
		7510604	Kinh tế công nghiệp
		7620115	Kinh tế nông nghiệp
			Kinh tế lao động
3.2	Tự thạc sĩ	83101	Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học
		834	Các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý
		8620115	Kinh tế nông nghiệp
			Kinh tế lao động
		846	Các ngành thuộc lĩnh vực Toán và thống kê
		8440301	Khoa học môi trường
		88501	Các ngành thuộc nhóm ngành Quản lý tài nguyên và môi trường
		8229042	Quản lý văn hóa
		83102	Khoa học chính trị
		83103	Xã hội học và Nhân học
		8580105	Quy hoạch vùng và đô thị
8760101	Công tác xã hội		
4	Tài chính - Ngân hàng	9340201	
4.1	Tự cử nhân	734	Các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý
		73101	Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học
4.2	Tự thạc sĩ	834	Các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý
		83101	Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học
		846	Các ngành thuộc lĩnh vực Toán và thống kê

* Ngành phù hợp trong danh mục này căn cứ theo Thông tư số 09/2022/TT- BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT quy định về Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học. Trường hợp ngành đào tạo thạc sĩ/đại học của ứng viên không có trong quy định của Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét và quyết định.

** Ngành đào tạo ở trình độ đại học được xem xét khi người dự tuyển chỉ có bằng đại học.

2.10. Danh mục các học phần bổ sung

- **Đối với nghiên cứu sinh chỉ có bằng đại học ngành phù hợp đạt loại giỏi trở lên:** học bổ sung kiến thức 45 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ đúng ngành của Trường ĐHKHT. NCS phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trong vòng 36 tháng kể từ khi trúng tuyển vào chương trình Tiến sĩ.

- **Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành phù hợp:** Tùy vào thời gian tốt nghiệp thạc sĩ, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, hướng nghiên cứu của luận án, sau khi đã trúng tuyển, Nhà trường sẽ xác định tên học phần, số học phần và khối lượng tín chỉ ở trình độ thạc sĩ mà nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung.

Phần III. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. Thư viện

Với sự quan tâm đầu tư của lãnh đạo Nhà trường cùng những nỗ lực không ngừng, Thư viện Trường ĐHKHT đã trở thành một môi trường nghiên cứu, học tập, và làm việc thân thiện, hiện đại và tích cực dành cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên. Không chỉ đóng góp vào chất lượng đào tạo và nghiên cứu, Thư viện còn là điểm tựa quan trọng thúc đẩy sự phát triển chung của Trường.

Thư viện nằm trong tòa nhà 4 tầng, với tổng diện tích 2.705 m², bao gồm khu phòng đọc rộng 1.000 m², được chia thành 6 phòng đọc cùng các khu vực đọc sách tiện ích khác. Với hơn 450 chỗ ngồi và trang thiết bị hiện đại, Thư viện cung cấp cho người dùng một không gian học tập thuận lợi, kết hợp giữa hệ thống tài liệu truyền thống và thư viện số tiên tiến. Đặc biệt, các cơ sở dữ liệu điện tử được mua từ các nhà xuất bản uy tín quốc tế giúp bổ sung nguồn tài liệu phong phú, đáp ứng nhu cầu tra cứu và nghiên cứu chuyên sâu.

Là một phần của hệ thống thư viện chung của các trường thành viên Đại học Đà Nẵng, Thư viện Trường ĐHKHT còn được thụ hưởng các cơ sở dữ liệu miễn phí từ ĐHDN, mang đến cho người dùng nhiều lựa chọn tài nguyên học thuật chất lượng cao. Có thể khẳng định, Thư viện của Trường là một trong những thư viện hiện đại nhất khu vực miền Trung, xứng đáng là trung tâm học liệu tiên tiến phục vụ đắc lực cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Bảng 3. Danh sách các thư viện, mạng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học trong nước, ngoài nước có khả năng kết nối và khai thác

T T	Tên thư viện, mạng CSDL, thông tin khoa học	Tên nước	Đường dẫn, địa chỉ website
1	Thư viện các trường thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng	Việt Nam	http://libs.udn.vn/
2	ProQuest Central là CSDL toàn văn đa lĩnh vực, đa ngành lớn nhất trên thế giới hiện nay, cung cấp truy cập tới hơn 45 CSDL đầy đủ của NXB ProQuest bao	Hoa Kỳ	https://www.proquest.com/

	phủ hơn 175 chủ đề với hơn 26.000 ấn phẩm (trong đó hơn 17.000 ấn phẩm toàn văn và hơn 13.000 tạp chí học thuật)		
3	CSDL sách điện tử cơ bản chuyên ngành kinh tế Elsevier Ebooks collection	Hà Lan	https://www.sciencedirect.com
4	Bộ CSDL về kinh tế vĩ mô, tài chính - kế toán FiinPro của tập đoàn FiinGroup	Việt Nam	https://fiingroup.vn/DataAnalytics

3.1.2. Phòng làm việc

- Chỗ làm việc cho người hướng dẫn NCS: bình quân 10 m²/1 người HD
- Chỗ làm việc cho NCS tại Trường ĐHKHT: bình quân 06 m²/1 NCS

Nhà trường đã đầu tư và trang bị hệ thống các phòng nghiên cứu hiện đại. Với hơn 50 phòng làm việc, nghiên cứu hiện đại trong khu phức hợp hành chính - nghiên cứu, các NCS có một không gian nghiên cứu tập trung, chuyên nghiệp và làm việc trực tiếp với giáo viên hướng dẫn tại khu phức hợp này. Nhà trường cũng đầu tư mua mới các cơ sở dữ liệu khoa học phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên.

3.1.3. Phòng thực hành phục vụ ngành đào tạo

Bảng 4. Danh sách phòng thực hành

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Lĩnh vực đào tạo
1	Phòng thực hành Du lịch	Máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy in, máy scan, điện thoại bàn, thiết bị thực hành nhà hàng, khách sạn...	Kinh doanh - Quản lý
		Các thiết bị vệ sinh công nghiệp	
		Phần mềm quản lý nhà hàng, khách sạn	
2	Phòng thực hành Marketing	Máy tính, thiết bị thiết kế đồ họa, máy in màu	Kinh doanh - Quản lý
		Máy quay phim, bộ đèn chụp studio...	
3	Phòng thực hành Kế toán	Máy tính để bàn, máy in	Kế toán, Kiểm toán
4	Phòng thực hành và trải nghiệm không gian số (HUB-DUE)	Ti vi, thiết bị âm thanh, máy tính bảng	Tài chính - Ngân hàng
		Ứng dụng Fintech, Ngân hàng số	

3.1.4. Diện tích sàn, diện tích xây dựng và diện tích các cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghiên cứu

Xem Phụ lục II.

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu có năng lực hướng dẫn NCS theo ngành

TT	Họ tên, trình độ, chức danh	Hướng đề tài nghiên cứu
I.	NGÀNH KINH TẾ PHÁT TRIỂN	
1	GS.TS. Nguyễn Trường Sơn	Kinh tế công nghiệp
2	GS.TS. Trương Bá Thanh	Kinh tế công nghiệp; Kinh tế lượng; Mô hình cân đối liên ngành; liên vùng; Phân tích dữ liệu
3	GS.TS. Võ Xuân Tiến	Kinh tế nông nghiệp; Chính sách công; Phát triển nguồn nhân lực.
4	PGS.TS. Bùi Quang Bình	Kinh tế học; Kinh tế phát triển; Kinh tế lao động
5	PGS. TS. Nguyễn Thành Đạt	Kinh tế vĩ mô; Chính sách tiền tệ; Chính sách tài khóa
6	PGS.TS. Huỳnh Thị Diệu Linh	Kinh tế quốc tế; Quản trị Kinh doanh quốc tế
7	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn	Mô hình cân bằng tổng thể; Mô hình cân đối liên ngành; liên vùng
8	PGS.TS. Trương Hồng Trình	Chính sách tiền tệ và tăng trưởng kinh tế; Chính sách tài khóa và tăng trưởng kinh tế; Khủng hoảng tài chính và tăng trưởng kinh tế
9	PGS. TS. Trần Trung Vinh	Nghiên cứu định lượng (Tài sản thương hiệu; Hình ảnh quốc gia xuất xứ; Hành vi khách hàng; Điểm đến..)
10	TS. Lê Bảo	Kinh tế phát triển; Kinh tế nông nghiệp
11	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Kinh tế học; Kinh tế phát triển
12	TS. Nguyễn Hiệp	Kinh tế học; Kinh doanh quốc tế; Đầu tư trực tiếp nước ngoài...
13	TS. Vương Phương Hoa	Kinh tế chính trị; Kinh tế học
14	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Kinh tế công nghiệp
15	TS. Võ Thị Quỳnh Nga	Kinh tế du lịch; Marketing dịch vụ; Marketing du lịch; Hành vi điểm đến
16	TS. Bùi Huỳnh Nguyên	Kinh tế quốc tế; Quản trị Kinh doanh quốc tế
17	TS. Phùng Nam Phương	Kinh tế quốc tế; Quản trị Kinh doanh quốc tế

18	TS. Nguyễn Hữu Nguyên Xuân	Kinh tế vĩ mô
II. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH		
1	GS.TS. Lê Văn Huy	Management (Quản trị); Innovation (Đổi mới); Business Analysis (Phân tích kinh doanh); Marketing Management (Quản trị marketing); Strategic Thinking (Tư duy chiến lược); Business Model Innovation (Đổi mới mô hình kinh doanh); Entrepreneurship (Khởi nghiệp); Technology & Innovation (Công nghệ & Đổi mới); SMEs Management (Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ).
2	GS.TS. Nguyễn Trường Sơn	Văn hóa tổ chức & Văn hóa xanh (Green Organizational Culture); Lãnh đạo & Lãnh đạo xanh (Green Leadership); Đổi mới & Đổi mới xanh (Innovation & Green Innovation); Chuyển đổi số (Digital Transformation); Chuyển đổi xanh (Green Transformation); Đổi mới & Đổi mới xanh (Innovation & Green Innovation)
3	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	Quản trị tài chính; Quản trị sản xuất; Hội nhập kinh tế; Phân tích dữ liệu lớn
4	PGS.TS. Nguyễn Phúc Nguyên	Lãnh đạo; Khởi nghiệp; Đổi mới/Sáng tạo; Phát triển bền vững; Du lịch; Hành vi tổ chức; Trách nhiệm xã hội; SMEs; Quản trị cung ứng
5	PGS.TS. Trần Trung Vinh	Tài sản thương hiệu điểm đến; Hành vi du khách
6	TS. Trương Trần Trâm Anh	Marketing và Khởi nghiệp (Marketing bền vững; Influencer Marketing; Chiến lược Marketing; Marketing trong du lịch; Khởi nghiệp trong bối cảnh liên văn hóa).
7	TS. Trương Đình Quốc Bảo	Marketing; Hành vi người tiêu dùng; Quản trị thương hiệu; Marketing xã hội và công nghệ; Phát triển bền vững và lãnh đạo.
8	TS. Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Quản trị nguồn nhân lực; Hành vi tổ chức
9	TS. Lê Thị Minh Hằng	Chuỗi cung ứng; Chuỗi cung ứng xanh; Chuỗi cung ứng bền vững; Marketing; Thương hiệu; Hành vi người tiêu

		dùng; Kinh doanh số; Mô hình kinh doanh; Khởi nghiệp
10	TS. Bùi Trung Hiệp	Tối ưu hóa trong kinh doanh; Quản trị sản xuất; Quản trị Chuỗi cung ứng và Logistics
11	TS. Trần Triệu Khải	Marketing; Hành vi người tiêu dùng (Consumer behavior); Thương hiệu (Branding); Marketing qua mạng xã hội (Social media marketing); Chiến lược marketing (Marketing strategy); Marketing vì lợi ích xã hội (Social marketing); Marketing bền vững (Sustainable marketing); Marketing đa văn hóa (Cross-cultural marketing)
12	TS. Đàm Nguyễn Anh Khoa	Marketing phương tiện truyền thông (Social Media Marketing); Marketing số (Digital Marketing); Phân tích marketing (Marketing Analytics); Trí tuệ khách hàng (Customer intelligence); Ứng dụng AI trong Marketing
13	TS. Phạm Thị Bé Loan	Kinh doanh quốc tế; Quản trị đa văn hóa; Hành vi người tiêu dùng; Marketing; Vận tải đa phương thức
14	TS. Phan Hoàng Long	Quản trị tài chính; Tiêu dùng xanh; Quản trị kiến thức và đổi mới trong doanh nghiệp; Ảnh hưởng của mạng xã hội; Quản trị chiến lược
15	TS. Võ Thị Quỳnh Nga	Hành vi du khách; Marketing điểm đến; Du lịch cộng đồng
16	TS. Lê Thị Bích Ngọc	Chuyển đổi số; Hành vi người tiêu dùng trong kỷ nguyên số; Quản trị công ty
17	TS. Bùi Huỳnh Nguyên	Kinh tế quốc tế; Quản trị Kinh doanh quốc tế
18	TS. Nguyễn Ngọc Uyên Phương	Phân tích bằng sáng chế; Quản trị công nghệ cải tiến; Quản trị kinh doanh
19	TS. Phan Thị Phú Quyên	Marketing xanh (Green marketing); Marketing phương tiện truyền thông (Social media marketing); Hành vi người tiêu dùng trực tuyến (Online consumer behavior).
20	TS. Trần Xuân Quỳnh	Hành vi tiêu dùng; trải nghiệm khách hàng; môi trường dịch vụ; bán lẻ; phân phối

21	TS. Bùi Thị Minh Thu	Quản trị nguồn nhân lực; Hành vi tổ chức; Văn hoá doanh nghiệp
22	TS. Nguyễn Thị Bích Thủy	Marketing: Hành vi tiêu dùng; Trải nghiệm du lịch và công nghệ du lịch thông minh Chuỗi cung ứng: Cung ứng bền vững/xanh; Tích hợp chuỗi cung ứng xanh; Kinh doanh tuần hoàn & chuỗi cung ứng ngược.
23	TS. Đặng Thị Thu Trang	Quản trị kinh doanh; Marketing
24	TS. Trần Niên Tuấn	Du lịch bền vững; Thực phẩm dư thừa trong khách sạn; Quản trị nguồn nhân lực
25	TS. Nguyễn Sơn Tùng	Transportation modeling; Travel behavior analysis (Phân tích hành vi đi lại); Entrepreneurship (khởi nghiệp); SMEs; Supply chain management (Quản trị chuỗi cung ứng)
III NGÀNH KẾ TOÁN		
1	GS.TS. Trương Bá Thanh	Kế toán quản trị; Đo lường hiệu quả và ảnh hưởng của nó đến việc ra quyết định; Cấu trúc tài chính; Đánh giá tình trạng tài chính; Công bố thông tin.
2	PGS.TS. Đoàn Ngọc Phi Anh	Kế toán quản trị; Đo lường hiệu quả và ảnh hưởng đến việc ra quyết định; Công bố thông tin; Kế toán môi trường.
3	PGS.TS. Nguyễn Hữu Cường	Công bố thông tin; Chuẩn mực kế toán; Báo cáo công ty; ESG
4	PGS.TS. Đường Nguyễn Hưng	Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa; Đo lường; nhận diện và quản trị rủi ro; Kiểm toán và kiểm soát nội bộ.
5	PGS.TS. Nguyễn Công Phương	Công bố thông tin; ESG; Tránh thuế; Sai sót báo cáo tài chính; M&A; Chuẩn mực; chế độ kế toán; Chất lượng lợi nhuận; Hiệu quả của công ty/tổ chức; Hiệu quả tổ chức khu vực công
6	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn	Kế toán quản trị; Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa.
7	PGS.TS. Hoàng Tùng	Hiệu quả tài chính; Công bố thông tin

8	PGS.TS. Hà Phước Vũ	Kế toán quản trị; Đo lường hiệu quả và ảnh hưởng của nó đến việc ra quyết định; Công bố thông tin; Quản trị công ty; hiệu quả và giá trị doanh nghiệp.
9	TS. Huỳnh Thị Hồng Hạnh	Thông tin kế toán; Hệ thống thông tin kế toán
10	TS. Phạm Hoài Hương	Công bố thông tin; kiểm toán tài chính
11	TS. Nguyễn Thị Xuân Linh	Quản trị công ty; Quản trị lợi nhuận; Kế toán môi trường.
12	Lê Thị Trúc Loan	Kế toán môi trường; ESG
13	TS. Nguyễn Thị Thúy Phượng	Công bố thông tin và phản ứng của thị trường; Chính sách tài chính doanh nghiệp và phản ứng của thị trường.
14	TS. Đoàn Nguyễn Trang Phương	Quản trị công ty; Quản trị lợi nhuận; Kiểm soát nội bộ
15	TS. Nguyễn Lan Phương	Công bố thông tin; ESG; Hiệu quả kinh doanh; Hiệu quả tổ chức khu vực công
16	TS. Phan Thị Đỗ Quyên	Quản trị lợi nhuận; Kế toán quốc tế
17	TS. Võ Hồng Tâm	Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp
18	TS. Đoàn Thị Ngọc Trai	Chuẩn mực kế toán; Gian lận báo cáo tài chính; Công bố thông tin; Kiểm toán tài chính và kiểm toán hoạt động; Kiểm soát nội bộ trong môi trường xử lý dữ liệu điện tử.
19	TS. Nguyễn Thị Xuân Trang	Kế toán quản trị; Quản trị công ty
20	TS. Vương Phương Thủy	Quản trị lợi nhuận
IV	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	
1	GS.TS. Võ Thị Thúy Anh	Đo lường rủi ro và lợi tức trong đầu tư tài chính; Rủi ro và khả năng sinh lời của NHTM; Công cụ phái sinh và phòng ngừa rủi ro; Các mô hình tài chính vĩ mô và ứng dụng; Cấu trúc vi mô và hiệu quả của thị trường tài chính; Vai trò của môi trường thể chế; Các quyết định tài chính trong doanh nghiệp; Khủng hoảng tài chính; Tiền tệ và mô hình cảnh báo sớm

2	PGS.TS. Hoàng Dương Việt Anh	Tài chính công; Mua bán & sáp nhập; Quản trị công ty và các quyết định tài chính của công ty
3	PGS.TS. Thái Thị Hồng Ân	Tài chính công ty; Mua bán & sáp nhập; Tài chính hộ gia đình
4	PGS.TS. Lâm Chí Dũng	Quản trị ngân hàng và các định chế tài chính khác; Những vấn đề vĩ mô về tiền tệ; ngân hàng và thị trường tài chính; Tài chính vĩ mô; Tài chính nhà nước (Nghịệp vụ Kho bạc; Thuế; Ngân sách Nhà nước); Tài chính nông thôn
5	PGS.TS. Nguyễn Thành Đạt	Đầu tư doanh nghiệp; Tác động của rủi ro kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán; Lý thuyết trò chơi; Chính sách tiền tệ; Chính sách tài khóa
6	PGS.TS. Đặng Tùng Lâm	Quyết định tài chính của doanh nghiệp (đầu tư; lựa chọn cấu trúc tài trợ); Cấu trúc vi mô của thị trường tài chính (thanh khoản; thiết kế thị trường); Hiệu quả thị trường (hiệu quả thông tin và hiệu quả hoạt động); Định giá tài sản thực nghiệm; Truyền thông tài chính (uy tín truyền thông; mức độ chú ý truyền thông); Tài chính bền vững (trên các khía cạnh môi trường; xã hội và quản lý)
7	PGS.TS. Đặng Hữu Mẫn	Sáp nhập và mua bán; Tài chính bền vững & ESG; Rủi ro biến đổi khí hậu và chính sách tài chính; Rủi ro đa dạng sinh học và chính sách LGBTQ; Rủi ro chuỗi cung ứng và tài chính thương mại; Công bố thông tin và chất lượng kiểm toán.

8	PGS.TS. Đinh Bảo Ngọc	Tài chính công ty; Quản trị công ty; Quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng; Công cụ tài chính phái sinh
9	PGS.TS. Nguyễn Thị Thiều Quang	Quản trị ngân hàng (nguồn vốn; cho vay; thanh khoản; rủi ro; lợi nhuận...); Tín dụng vi mô; Cấu trúc vốn; Phát triển bền vững; Chuyển đổi số
10	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ	Tài chính công ty (cấu trúc vốn; mua bán sáp nhập...); Chính sách tiền tệ; Tỷ giá của NHTW; Chính sách tài khóa; Đầu tư trực tiếp nước ngoài; Thị trường tài chính
11	TS. Nguyễn Ngọc Anh	Chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương; Quản trị ngân hàng; Quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng; Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)
12	TS. Phan Đình Anh	Tài chính chuỗi cung ứng; Chuỗi cung ứng bền vững; Tài chính công
13	TS. Trần Nguyễn Trâm Anh	Quản trị công ty (corporate governance); Mua bán và sáp nhập; Chất lượng báo cáo tài chính (hành vi điều chỉnh lợi nhuận)
14	TS. Nguyễn Thanh Hương	Định giá tài sản; Tài chính công ty; Quản trị công ty; Cấu trúc vi mô của thị trường tài chính
15	TS. Hồ Thị Hải Ly	Cấu trúc vốn và các quyết định về vốn của doanh nghiệp; Tài chính bền vững (trên các khía cạnh môi trường; xã hội và quản lý); Cấu trúc vi mô của thị trường tài chính
16	TS. Nguyễn Quang Minh Nhi	Hiệu quả quỹ đầu tư (Fund performance); Nghiên cứu sự kiện; Tài chính công ty; Quản trị công ty
17	TS. Phan Đặng My Phương	Quản trị rủi ro; Quản trị ngân hàng; Tài chính bền vững
18	TS. Nguyễn Thị Thủy	Quản trị kinh doanh quốc tế; Thanh toán quốc tế
19	TS. Đỗ Khắc Trung	Tài chính công ty; Quản trị công ty; Tài chính bền vững

** Lưu ý: Việc phân công giảng viên hướng dẫn NCS sẽ được Nhà trường xem xét, đảm bảo tuân thủ theo các yêu cầu của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT.*

3.3. Dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước liên quan tới ngành đào tạo tiến sĩ

3.3.1. Ngành Kinh tế phát triển

Bảng 5. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học ngành Kinh tế phát triển trong 5 năm gần đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số NCS tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1	Đề tài NCKH liên kết với địa phương	- Ủy ban nhân dân Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng	2022-2023	-	-
2	Dự án Erasmus +	Trường đại học Babes- Rolyai, Rumani	2024-2025		
3	Thí điểm đầu tư một số tuyến phố văn minh thương mại gắn với thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn quận Cẩm Lệ	UBND Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	2025		
4	Đề án xây dựng giải pháp phát triển thương mại và một số dịch vụ chủ yếu trên địa bàn quận Liên Chiểu giai đoạn 2022-2023, tầm nhìn 2050	UBND Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	2022-2023		
5	Đề án Phát triển chợ Hòa Khánh trở thành điểm phục vụ du lịch	UBND Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	2023		

3.3.2. Ngành Quản trị kinh doanh

Bảng 6. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học ngành Quản trị kinh doanh trong 5 năm gần đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số NCS tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1	Học bổng của Chính phủ Vùng Wallonie (Bỉ)	- Hiệp hội Logistics vùng Wallonie; - Đại học Liege (Bỉ)	2018-2023	05	<i>Safety Science</i> (ISI, Q1)
2	Đề tài NCKH liên kết với địa phương	- Sở KH&CN Dak Nong, Sở KH&CN Quảng Nam, Sở	2016-2023	05	

		KH&CN Gia Lai, Sở KH&CN Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế - Ủy ban nhân dân Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng			
3	Đề tài NAFOSTED: Vai trò mạng xã hội trong việc thúc đẩy hành vi du lịch xanh khi chọn điểm đến: Một nghiên cứu thực tiễn tại Việt Nam	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2019- 2021	01	02 bài báo trên tạp chí WoS

3.3.3. Ngành Tài chính - Ngân hàng

Bảng 7. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học ngành Tài chính - Ngân hàng trong 5 năm gần đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số NCS tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1	Ảnh hưởng của sự không đồng nhất nhà đầu tư tổ chức đến hiệu quả thị trường chứng khoán và vai trò của môi trường thể chế quốc gia	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2019-2021	01	Finance Research Letters (ISI, Q1); Journal of Multinational Financial Management (ISI, Q1)
2	Ảnh hưởng của rủi ro chính sách đối với thanh khoản thị trường và biến động đồng bộ giá cổ phiếu	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2020-2022	01	Research in International Business and Finance (ISI, Q1), Journal of Empirical Finance (ISI, Q1)
3	Ảnh hưởng của môi trường thông tin doanh nghiệp đối với dòng biên độ thanh khoản và biến động đồng bộ giá cổ phiếu	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2020-2022	01	Journal of Empirical Finance: ISI (SSCI), Q1, A (ABDC); Pacific-Basin Finance Journal: ISI (SSCI), Q1, A (ABDC)

4	Ảnh hưởng của chiến lược kinh doanh và mức độ phức tạp cấu trúc của doanh nghiệp đối với việc định giá các dịch vụ đánh giá tín nhiệm bên ngoài	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2023-2025	-	02 bài báo thuộc danh mục WoS;
5	Ảnh hưởng của quan hệ tương tác giữa hoạt động phát triển bền vững và niềm tin tôn giáo đến các quyết định tài chính của doanh nghiệp	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2023-2025	-	02 bài báo thuộc danh mục WoS;
6	Ảnh hưởng của rủi ro biến đổi khí hậu ở cấp độ công ty đối với thái độ và hành vi của ban quản trị cũng như đơn vị kiểm toán bên ngoài, và vai trò điều tiết của môi trường văn hóa xanh	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2024-2026	-	02 bài báo thuộc danh mục WoS;
7	Phát thải carbon, sự cố ESG và quyết định tài chính của doanh nghiệp	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	2024-2026	-	02 bài báo thuộc danh mục WoS;

3.4. Các hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan tới ngành đào tạo

3.4.1. Ngành Kinh tế phát triển

Bảng 8. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành Kinh tế phát triển trong 5 năm gần đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	Hội thảo quốc tế các nhà khoa học trẻ	Tổ chức và đồng tổ chức thường niên từ 2017 đến nay, Trường ĐH Kinh tế -	ĐHKT quốc dân, ĐHKH thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại thương, Trường ĐHKH - Đại học quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKH -	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoa/hoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/7061/cid/2481

		ĐHĐN (tổ chức năm 2017) và luân phiên thường niên ở các trường	Đại học Huế, Trường ĐHKT Luật – Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính	
2	Hội thảo quốc tế VSCT 2025	2025, Đà Nẵng	AVSE Global, Massey University	https://avseglobal.org/project/vietnam-symposium-on-climate-transition-vsct/
3	Hội thảo quốc gia: "Giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Kontum" năm 2024	2024, UBND tỉnh KonTum	UBND tỉnh KonTum	https://kontum.udn.vn/?act=ct-tin-tuc&reлт=1144-Hoi-thao-khoa-hoc-quoc-gia-Giai-phap-nang-cao-chi-so-nang-luc-can-h-tranh-cua-tinh-Kon-Tum-nam-2024-Thuc-day-phat-trien-kinh-te-ben-vung-thu-hut-dau-tu.html
4	International Conference for Young Researchers in Economics and Business (ICYREB2025)	2025, Trường ĐHKT- Đại học Đà Nẵng	Trường ĐHKT quốc dân; Trường Đại học Thương Mại, Trường Đại học Ngoại Thương; Trường Đại học Huế	https://www.udn.vn/english/Detail/udd-hosted160the-11th-icyreb-2025-international-conference-for-young160researchers160in-economics-and-business
5	COMBELT-2025 The International Conference on Management, Business, Economics, Law, and Technology	2025, Trường ĐHKT- Đại học Đà Nẵng	Đại học Babes Bolyai (Romania), Đại học Khoa học Ứng dụng Darmstadt (Đức), Đại học Kalasin (Thái Lan), Đại học Liège (Bỉ)	https://khoahoc.nvu.edu.vn/vi/tin-nckh-khac/thu-moi-viet-bai-hoi-thao-quoc-te-ve-quan-tri-kinh-doanh-kinh-te-luat-va-cong-nghe-combelt-2025

3.4.2. Ngành Quản trị kinh doanh

Bảng 9. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh trong 5 năm gần đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	Hội thảo quốc tế về Quản trị và Kinh doanh	Thường niên, từ 2010 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	Đại học Heriot-Watt (Vương quốc Anh), Đại học Liège (Bỉ), Đại học Mahasarakham (Thái Lan), Trường Đại học Thương mại (Vietnam), Đại học Quy Nhơn, Đại học Nha Trang	http://due.udn.vn/vi-vn/comb
2	Hội thảo quốc tế về Marketing	Hai năm một lần từ 2016 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	Đại học New South Wales (Úc), Học viện Công nghệ Cork (Ái-len), Trường ĐHKT quốc dân, Trường Đại học Tài chính – Marketing cùng Hội Doanh nhân trẻ thành phố Đà Nẵng	http://due.udn.vn/vi-vn/mica/mica-intro/cid/3255
3	Hội thảo quốc tế các nhà khoa học trẻ	Tổ chức và đồng tổ chức thường niên từ 2017 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN (tổ chức năm 2017) và luân phiên thường niên ở các trường	ĐHKT quốc dân, ĐHKT thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại thương, Trường ĐHKT - Đại học quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKT - Đại học Huế, Trường ĐHKT Luật – Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/7061/cid/2481
4	Tọa đàm khoa học quốc gia “Tác động của Covid-19 đến các doanh nghiệp-Góc nhìn từ khu vực miền Trung”	2021, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	Trường Đại học Nha Trang, Hội Khoa học Kinh tế Tp Đà Nẵng	http://due.udn.vn/vi-vn/tintuc/tintucchitiet/id/14206
5	Hội thảo khoa học quốc gia về Logistics và Quản lý chuỗi	2022, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	Trường Đại học Ngoại thương, Hiệp hội Phát triển nhân lực Logistics Việt Nam (VALOMA)	https://doanhnghiep.vn.vn/ho-tro-doanh-nghiep/giai-phap-giam-chi-phi-

	cung ứng Việt Nam lần thứ 2			van-tai-xay-dung-san-giao-dich-logistics-/20221015094027559
6	Hội thảo khoa học Quốc gia “Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vì mục tiêu phát triển bền vững”	2024, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	ĐHKT Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐHKQTĐ Quốc dân, Học Viện KHCN và ĐMST	https://udn.vn/bankhhtqt/bai-viet/truong-dai-hoc-kinh-te-dhqn-phoi-hop-to-chuc-hoi-thao-khoa-hoc-quoc-gia-khoa-hoc-cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao-vi-muc-tieu-phan-trien-ben-vung
7	Tọa đàm “Ứng dụng AI trong Thiết kế hình thức kiểm tra - đánh giá”	2024, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	Đại học RMIT	https://due.udn.vn/vi-vn/tintuc/tintucchitiet/id/19939/cid/468
8	Tọa đàm “Ứng dụng AI trong giảng dạy và thiết kế học liệu số”	2024, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN		https://due.udn.vn/vi-vn/tintuc/tintucchitiet/id/19958/cid/468
9	Hội thảo quốc tế International Symposium on Conduction and Traffic Survey & Control	2025, Đà Nẵng	Đại học Liège (Bỉ), International Steering Committee for Travel Survey Conferences	https://due.udn.vn/vi-vn/khoa/quan-tri-kinh-doanh/chitiet/id/20542/cid/1996
10	Hội thảo quốc gia “Nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số”	2025, Vinh	Trường ĐHKQTĐ Nghệ An	https://hoithaokhoa.hoc.naue.edu.vn/

3.4.3. Ngành Kế toán

Bảng 10. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành Kế toán trong 5 năm gần đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	Hội thảo quốc tế thường niên về Kế toán và Tài chính (ICOAF)	Thường niên, từ 2015 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐHN	Đại học New South Wales (Úc), Đại học Aston (Vương quốc Anh), Đại học Quốc gia Yokohama	http://due.udn.vn/vi-vn/icoaf-2021-intro/cid/4348

2	Hội thảo quốc tế các nhà khoa học trẻ	Tổ chức và đồng tổ chức thường niên từ 2017 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐN (tổ chức năm 2017) và luân phiên thường niên ở các trường	ĐHKT quốc dân, ĐHKT thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại thương, Trường ĐHKT - Đại học quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKT - Đại học Huế, Trường ĐHKT Luật – Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/7061/cid/2481
3	Hội thảo quốc gia về Kế toán và Kiểm toán (VCAA)	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐN là đơn vị sáng lập và chủ trì thường niên	Các trường đại học khối Kinh tế và Kinh doanh, chủ trì là UEH, NEU, và DUE	https://www.hau.edu.vn/vn/thong-bao/hoi-thao-khoa-hoc-quoc-gia-ve-ke-toan-kiem-toan-nam-2023/64269

3.4.4. Ngành Tài chính - Ngân hàng

Bảng 11. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành Tài chính - Ngân hàng trong 5 năm gần đây

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	Hội thảo quốc tế về Kế toán và Tài chính	Thường niên, từ 2015 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐN	Đại học New South Wales (Úc), Đại học Aston (Vương quốc Anh), Đại học Quốc gia Yokohama	http://due.udn.vn/vi-vn/icoaf-2021-intro/cid/4348
2	Hội thảo Quốc tế về Tài chính	Thường niên, từ 2016 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐN	Hiệp hội Tài chính Quốc tế Việt Nam, Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội; Trường ĐHKT - Luật; và Trường ĐHKT Tp. HCM.	https://vicif.scienceconf.org/resource/page/id/15
3	Hội thảo quốc tế các nhà khoa học trẻ	Tổ chức và đồng tổ chức thường niên từ 2017 đến nay, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQĐN (tổ chức năm 2017) và	ĐHKT quốc dân, ĐHKT thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại thương, Trường ĐHKT - Đại học quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKT - Đại học Huế, Trường ĐHKT Luật – Đại học quốc gia thành	http://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/7061/cid/2481

		luân phiên thường niên ở các trường	phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính	
4	Hội thảo quốc gia Tài chính và Ngân hàng tại Tp Đà Nẵng (DCFB-2020)	Tổ chức năm 2020, Trường ĐHKT	Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh; Trường Đại học Tây Nguyên	http://due.udn.vn/vi-vn/dcfb
5	Hội thảo quốc tế về biến đổi khí hậu (VSCT)	Tổ chức từ năm 2023 đến nay, Trường ĐHKinh tế - ĐHQĐN tổ chức	AVSE Global, Đại học Massey (New Zealand)	https://vsct2023.sciencesconf.org/ https://vsct2024.sciencesconf.org/ https://vsct2025.sciencesconf.org/
6	Hội thảo công bố Báo cáo thường niên	Tổ chức từ năm 2022 đến nay, Trường ĐHKinh tế - ĐHQĐN tổ chức		https://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocds/cid/4873
7	Hội thảo khoa học “Môi trường thông tin, hoạt động phát triển bền vững và các quyết định tài chính của doanh nghiệp”	2025, Đà Nẵng		https://due.udn.vn/vi-vn/nghiencuukhoahoc/nghiencuukhoahocchitiet/id/20032/cid/187

3.5. Kiểm định chất lượng

Căn cứ theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022 và Quyết định số 134/QĐ-KĐCL ngày 11/03/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKT - Đại học Đà Nẵng được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo các điều kiện tại Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Ngoài ra, Nhà trường có 18 chương trình đào tạo bậc đại học được kiểm định chất lượng, trong đó 10 chương trình đào tạo, gồm Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Quản trị khách sạn, Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Kinh tế, Quản trị nhân lực, Kinh doanh thương mại, Hệ thống thông tin quản lý đã được đánh giá đạt chuẩn chất lượng quốc tế AUN-QA (Bộ tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á); 06 chương trình đào tạo trình độ đại học gồm Luật kinh tế, Quản lý nhà nước, Luật, Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành, Thống kê kinh tế, Thương mại điện tử và 06 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm Kế toán, Kinh tế phát triển, Quản lý kinh

tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Thống kê kinh tế được đánh giá đạt chuẩn chất lượng theo bộ tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo ban hành theo Thông tư 04/2016/TT- BGDĐT; 02 chương trình đào tạo trình độ đại học Kế toán và Quản trị kinh doanh đạt chuẩn chất lượng chu kỳ I theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA và chu kỳ II theo bộ tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Phụ lục I**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường ĐHKT - Đại học Đà Nẵng)

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT (không chấp nhận chứng chỉ iBT Home Edition)	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English Vantage/Linguaskill	B2 First/B2 Business Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL International Certificate	B2
		Pearson English International Certificate	Level 3
		PTE Academic	59 - 75
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Ghi chú: Các chứng chỉ ngoại ngữ phải được cấp bởi các tổ chức đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài, được công bố và cập nhật hàng năm.

Phụ lục II
DIỆN TÍCH SÀN, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG VÀ DIỆN TÍCH CÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHKT - Đại học Đà Nẵng)

I. DIỆN TÍCH ĐẤT, DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng (Sở hữu)
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng (tại đơn vị)	44.745	44.745
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	40.537,47	40.537,47

II. PHÒNG THỰC HÀNH, XƯỞNG THỰC TẬP, NHÀ TẬP ĐA NĂNG, HỘI TRƯỜNG, PHÒNG HỌC, THƯ VIỆN, TRUNG TÂM HỌC LIỆU

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng (Sở hữu)
1	Phòng thực hành, khu vực trải nghiệm	5	Nghiên cứu, thực hành	Cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên	1.630,09	1.630,09
2	Nhà tập đa năng	1	Thể dục thể thao	Cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên	950,00	950,00
3	Hội trường	3	Hội thảo, sự kiện, học tập trung	Cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên	810,00	810,00
4	Phòng học	111	Nghiên cứu, giảng dạy, học tập	Giảng viên, học viên, sinh viên	17.587,47	17.587,47
5	Thư viện	1	Nghiên cứu, học tập	Giảng viên, học viên, sinh viên	2.705,00	2.705,00

Ghi chú: Số liệu trong Phụ lục này được trích xuất từ hệ thống HEMIS (đến 12/2025).